

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2021/DS-PT**

Ngày: 22-01-2021

V/v tranh chấp dân sự về
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn T

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương T

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo N – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn T – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/01/2021 và ngày 22/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 493/2020/TLPT-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 513/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Minh V, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Võ Thanh P, sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

2.2. Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hồ Thị D, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Thị Ngọc D;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn anh Phạm Minh V trình bày:***

Vào ngày 26/5/2018, vợ chồng anh V có cho anh Võ Thanh P và chị Phạm Thị Ngọc D mượn (vay) số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất là 1,66%, giao kết đến khi thu hoạch vụ lúa hè thu năm 2018 xong sẽ trả. Đến hạn anh P, chị D không trả vốn và lãi. Anh V có đến gặp anh P và chị D yêu cầu trả số tiền trên nhưng anh P, chị D hèn mà không thực hiện. Anh V yêu cầu anh Võ Thanh P và chị Phạm Thị Ngọc D trả vốn là 140.000.000 đồng và lãi từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2020 là 53.425.000 đồng, tổng cộng 193.425.000 đồng. Sau đó đến ngày 23/9/2020, anh V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P và chị D phải trả tiền nợ lãi là 53.425.000 đồng nữa mà chỉ yêu cầu anh P và chị D phải trả số tiền đã mượn vốn là 140.000.000 đồng.

**** Bị đơn anh Võ Thanh P và chị Phạm Thị Ngọc D trình bày:***

Vào năm 2017 anh P và chị D có mượn của vợ chồng anh V và chị D số tiền 200.000.000 đồng, không giao kết thời gian trả. Ngày 26/5/2018 anh P, chị D trả cho anh V 60.000.000 đồng. Sau đó chị D có ghi lại biên nhận nợ anh V số tiền 140.000.000 đồng, giao kết đến khi thu hoạch vụ lúa hè thu năm 2018 sẽ trả cho anh V. Khi thu hoạch lúa xong do lúa bị thất nên không có tiền trả. Tháng 11/2018, chị có nhờ anh V giới thiệu vay tiền tại Ngân hàng D huyện C. Ngân hàng có cho anh P, chị D vay tăng số tiền từ 1.000.000.000 đồng lên 1.500.000.000 đồng, nên chị D có tiền và đã trả cho anh V số tiền là 140.000.000 đồng. Hiện nay anh P, chị D không còn nợ anh V, chị D. Anh P, chị D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh V do chị D đã trả xong cho anh V rồi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị D trình bày:***

Chị là vợ anh Phạm Minh V. Chị D thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh V như nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Minh V yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P trả số tiền 140.000.000 đồng.
2. Đình chỉ một phần yêu cầu của anh Phạm Minh V yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P trả 53.425.000 đồng tiền lãi.
3. Buộc chị Phạm Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P trả cho anh Phạm Minh V số tiền 140.000.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

4. Về án phí:

- Chị Phạm Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P phải nộp 7.000.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

- Hoàn trả lại cho anh Phạm Minh V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.836.000 đồng tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000632, ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2020, chị Phạm Thị Ngọc D là bị đơn trong vụ án kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc D trình bày: Chị thừa nhận có viết và ký biên nhận nợ đối với số tiền 140.000.000 đồng ngày 26/5/2018, do trước đó năm 2017 chị có vay của vợ chồng anh V, chị D 200.000.000 đồng, đã trả 60.000.000 đồng, còn nợ lại 140.000.000 đồng, nên viết lại biên nhận mới ngày 26/5/2018. Tuy nhiên vào khoảng tháng 11/2018 chị D có vay tiền Ngân hàng đã trả xong cho anh V, địa điểm tại gần bến đò Đ, khi đó có mặt chị D và anh V cùng nhiều người khác nhưng do quá lâu nên không nhớ ai. Khi trả tiền xong thì anh V có hứa với chị sẽ xé biên nhận nợ ngày 26/5/2018, vì tin tưởng nên chị không yêu cầu anh V viết lại biên nhận hay hoàn trả biên nhận, nhưng sau đó anh V không xé biên nhận như đã hứa mà còn kiện chị và anh P.

Chị D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V về việc buộc chị và anh P trả 140.000.000 đồng, do chị đã trả xong tiền cho anh V rồi.

- Nguyên đơn anh Phạm Minh V trình bày: Anh không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của chị D, do chị D không có trả cho anh số tiền 140.000.000 đồng tại gần bến đò Đ như trình bày của chị D. Anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị D trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của anh V như nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của chị Phạm Thị Ngọc D; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn chị Phạm Thị Ngọc D không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm số 44/2020/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T nên đã kháng cáo. Việc chị D nộp đơn kháng cáo ngày 02/10/2020 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2017 vợ chồng anh Phạm Minh V, chị Hồ Thị D có thỏa thuận cho vợ chồng anh Võ Thanh P, chị Phạm Thị Ngọc D vay số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó anh P và chị D có trả cho anh V, chị D 60.000.000đ. Chị D có ghi lại biên nhận nợ ngày 26/5/2018 thỏa thuận vay của anh V số tiền 140.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất cụ thể, giao kết đến khi thu hoạch vụ lúa hè thu năm 2018 xong sẽ trả. Do anh P và chị D không trả tiền cho anh V như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Anh V khởi kiện yêu cầu anh P và chị D trả tiền vốn là 140.000.000 đồng không yêu cầu lãi suất. Chị D và anh P không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của anh V, vì cho rằng sau khi vay tiền từ Ngân hàng thì chị D đã trực tiếp trả tiền xong cho anh V vào tháng 11 năm 2018 nên không còn nợ tiền vay của anh V.

[3] Tại phiên tòa chị Phạm Thị Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Minh V là có cơ sở. Bởi lẽ, chị D và anh P đều thừa nhận có vay của anh V số tiền 140.000.000 đồng và chị D thừa nhận có ghi và ký tên vào Biên nhận nợ ngày 26/5/2018 đối với số tiền vay 140.000.000 đồng. Việc anh P và chị D cho rằng chị D đã trực tiếp trả tiền xong cho anh V vào tháng 11 năm 2018 tại gần bến đò Đ, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nhưng anh V không xé biên nhận hay trả lại biên nhận cho chị D; Xét thấy trình bày của anh P và chị D là không có căn cứ, bởi vì chị D và anh P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chị D và anh P đã trả cho anh V số tiền

vay còn nợ là 140.000.000 đồng. Mặt khác anh V cũng không thừa nhận việc chị D đã trả cho anh khoản tiền này.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của chị Phạm Thị Ngọc D là không có cơ sở, nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên cần điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của chị Phạm Thị Ngọc D không được chấp nhận, nên chị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh V đối với chị Phạm Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P về số tiền vay vốn còn nợ là 140.000.000 đồng.

Buộc chị Phạm Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P có nghĩa vụ trả cho Phạm Minh V số tiền vay vốn còn nợ là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh V yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P trả số tiền lãi là 53.425.000 đồng.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Chị Phạm Thị Ngọc D và anh Võ Thanh P phải chịu 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) án phí sơ thẩm dân sự sơ thẩm;

- Anh Phạm Minh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.836.000 đồng, theo biên lai thu số BI/2019 0000632 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Chị Phạm Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BI/2019 0006469, ngày 06/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn L